

Số: 43 /2024/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 30 tháng 12 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định về phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác nước dưới đất; Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất; Phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG  
KHÓA XVIII- KỲ HỌP THỨ 21 (CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;*

*Căn cứ Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính;*

*Xét Tờ trình số 158/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 151/BC-KTNS ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 414/BC-UBND ngày 29/12/2024 của UBND tỉnh về giải trình, làm rõ một số nội dung trình bày tại Kỳ họp thứ 21 HĐND tỉnh khóa XVIII, nhiệm kỳ 2021-2026; ý kiến thảo luận và biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quy định về phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác nước dưới đất; Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất; Phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh Hà Giang, như sau:

1. Đối tượng áp dụng:

a) Các tổ chức, cá nhân đề nghị: thăm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác nước dưới đất; Phí thăm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất; Phí thăm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt.

b) Các cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân khác liên quan trong việc quản lý, thu phí thăm định.

2. Nội dung thu và mức thu: Theo phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Đơn vị tổ chức thu: Sở Tài nguyên và Môi trường.

4. Quản lý và sử dụng nguồn thu phí:

a) Quản lý nguồn thu phí: Đơn vị thu được trích để lại 80% trên tổng số tiền thu được để chi phí cho công tác thu phí; số thu 20% còn lại được nộp vào ngân sách nhà nước.

b) Sử dụng nguồn thu phí được trích để lại: Các khoản chi phí để thực hiện công việc thu phí gồm:

- Chi thanh toán tiền làm thêm giờ (nếu có);
- Chi công tác phí theo quy định hiện hành;
- Chi hợp của Hội đồng thăm định (nếu có);
- Chi phí in biên lai theo thực tế (nếu có), văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, thông tin liên lạc, điện, nước, công tác phí theo tiêu chuẩn, định mức và chế độ chi tiêu hiện hành.
- Chi thực hiện cải cách tiền lương theo quy định hiện hành.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang khóa XVIII -Kỳ họp thứ 21 (chuyên đề) thông qua ngày 30 tháng 12 năm 2024, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2025 và thay thế Nghị quyết số 80/2017/NQ-HĐND ngày 24/4/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về Phí thăm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; Phí thăm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất; Phí thăm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hà Giang./.

## **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu – UBTWQH;
- Bộ Tài chính; Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- TTr. Tỉnh ủy; HĐND; UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH khóa XV tỉnh Hà Giang;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XVIII;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức CT-XH cấp tỉnh;
- TTr. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- VP: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH; HĐND; UBND tỉnh;
- Báo Hà Giang; Đài PTTH tỉnh;
- Trang TTĐT đại biểu dân cử tỉnh Hà Giang;
- Cổng TTĐT tỉnh; TT Thông tin – Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.



**CHỦ TỊCH**

**Thảo Hồng Sơn**



Phụ lục

**NỘI DUNG THU VÀ MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH ĐỀ ÁN, BÁO CÁO THẨM DÒ ĐÁNH GIÁ TRỮ LƯỢNG, KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT; PHÍ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ, ĐIỀU KIỆN HÀNH NGHỀ KHOAN NƯỚC DƯỚI ĐẤT; PHÍ THẨM ĐỊNH ĐỀ ÁN KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 43./2024/NQ-HĐND  
ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)

Đơn vị tính: đồng

| STT | NỘI DUNG THU                                                                                                                   | MỨC THU                                            |                                               |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------------------|
|     |                                                                                                                                | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính | Nộp hồ sơ trực tuyến và thanh toán trực tuyến |
| (1) | (2)                                                                                                                            | (3)                                                | (4)                                           |
| 1   | Phí thẩm định đề án thăm dò nước dưới đất                                                                                      | 8.000.000                                          | 5.000.000                                     |
| 2   | Phí thẩm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất, báo cáo kết quả thi công giếng khai thác nước dưới đất | 8.000.000                                          | 5.000.000                                     |
| 3   | Phí thẩm định báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất                                                                       | 8.000.000                                          | 5.000.000                                     |
| 4   | Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất                                                                   | 7.000.000                                          | 4.000.000                                     |
| 5   | Phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt                                                                                | 15.000.000                                         | 9.000.000                                     |
| 6   | Phí thẩm định đề án, báo cáo đề nghị gia hạn, điều chỉnh                                                                       | Bằng 50% mức thu thẩm định lần đầu                 | Bằng 50% mức thu thẩm định lần đầu            |